

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và ông Bùi Công Tuấn Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga – Thư ký TAND khu vực 13 – Đắk Lắk.

Đại diện VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc D – Kiểm sát Viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 209/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: **Thôn P, xã S, tỉnh Đắk Lắk.**

Bị đơn: **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: **Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk.**

(Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Nguyễn Thị P** trình bày: Bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Tấn C** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã H (cũ) vào ngày 16/01/2024. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông C không lo làm ăn, không chăm sóc cho vợ con, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù hai bên gia đình cố gắng khuyên ngăn nhiều lần nhưng hai vợ chồng sống không hạnh phúc.

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 (âm lịch) cho đến nay, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/02/2023, hiện nay con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Gia B và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia B.

Về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Bà P tự nguyện chịu theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tấn C có đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như bà P trình bày. Nay bà P xin ly hôn ông C thống nhất ly hôn với bà P, thống nhất giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/02/2023 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, ông C thống nhất không có ý kiến gì, về tài sản ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên ông C không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, **giao Nguyễn Gia B**, sinh ngày 19/02/2023 **cho nguyên đơn bà P trực tiếp nuôi dưỡng**, ông **C** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn **Nguyễn Tấn C** có nơi cư trú hiện nay tại: **Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn **Nguyễn Thị P** và bị đơn **Nguyễn Tấn C** tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H** (cũ) vào ngày 16/01/2024 là hôn nhân hợp pháp. Bà **P** khai trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ tháng 12/2024 (âm lịch) đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai và bị đơn ông **C** cũng có ý kiến thống nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa **bà P và ông C** đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà **P** và ông **C** như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, con chung tên **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 19/02/2023 lâu nay đã quen sống cùng bà **P**, hơn nữa cháu còn nhỏ. Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất giao con chung

Nguyễn Gia B cho nguyên đơn bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn ông **C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên ghi nhận, bà **P** phải chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn **Nguyễn Thị P** và bị đơn **Nguyễn Tấn C**.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn **Nguyễn Thị P** và bị đơn **Nguyễn Tấn C** về việc: Giao con chung tên **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 19/02/2023 cho nguyên đơn **Nguyễn Thị P** trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn **Nguyễn Tấn C** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn **Nguyễn Thị P** phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0006241 ngày 02/6/2026** của Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk nên hoàn lại cho nguyên đơn **Nguyễn Thị P** 150.000 đồng.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Định Tây (nay là UBND xã Phú Hòa 1);
- (Giấy CNKH số 08/2024)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thúy

